

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST

Ngày: 18-01-2021

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Ân.

2. Ông Lê Thành Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn M, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/12/2020, bản tự khai, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do quen biết nên vào tháng 01 năm 2020, bà cho ông Phạm Văn M vay, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 17/01/2020, ông M vay số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

- Lần thứ hai: Ngày 20/3/2020, ông M vay số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Tổng cộng, ông M vay số tiền là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng mục đích vay là chi tiêu và sinh hoạt gia đình và đáo hạn Ngân hàng. Sau khi ông M vay của bà, đối với khoản vay lần thứ nhất ngày 17/01/2020 ông M cam kết ngày 30/02/2020 sẽ trả, đối với khoản vay lần thứ hai ngày 20/3/2020 ông M cam kết ngày 03/4/2020 sẽ trả nhưng đến nay không trả. Mặc dù, bà điện thoại và đến nhà yêu cầu nhưng ông M hèn mà không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải

quyết buộc ông Phạm Văn M trả số tiền là 200.000.000 (*hai trăm triệu*) đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, đối với số tiền vay lần thứ nhất tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày 31/12/2020, đối với số tiền vay lần thứ hai tính từ ngày 04/4/2020 đến ngày 04/12/2020.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bị đơn ông Phạm Văn M để tiến hành công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng ông M vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông M và không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị H khởi kiện ông Phạm Văn M về hợp đồng vay tài sản. Hiện nay, ông Phạm Văn M, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ông Phạm Văn M là bị đơn được Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Phạm Văn M.

- Ngày 10 tháng 12 năm 2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Văn M là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/12/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Phạm Văn M trả số tiền là 200.000.000 (*hai trăm triệu*) đồng theo “Giấy mượn tiền ngày 17/01/2020 và ngày 20/3/2020”, yêu cầu của bà Nguyễn Thị H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn M có hợp đồng vay tài sản, ngày 17/01/2020 ông M lập giấy mượn tiền với số tiền là 100.000.000 (*một trăm triệu*) đồng, ngày 20/3/2020, ông M lập giấy mượn tiền với số tiền là 100.000.000 (*một trăm triệu*) đồng; việc hợp đồng vay tài sản hai bên hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn M là có thật và hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Phạm Văn M trả số tiền là 200.000.000 (*hai trăm triệu*) đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, đối với số tiền vay lần thứ nhất ngày 17/01/2020 tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày 31/12/2020, đối với số tiền vay lần thứ hai ngày 20/3/2020 tính từ ngày 04/4/2020 đến ngày 04/12/2020.

[4.1] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ lời trình bày của bà Nguyễn Thị H và “Giấy mượn tiền ngày 17/01/2020 và ngày 20/3/2020” có chữ ký và họ tên

của ông Phạm Văn M nên có cơ sở xác định ông Phạm Văn M đã vay của bà Nguyễn Thị H số tiền là 200.000.000 (*hai trăm triệu*) đồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã triệu tập họp lệ nhiều lần ông Phạm Văn M nhưng ông M đều không đến, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H nên mặc nhiên thừa nhận số tiền nợ của bà H và phải chịu hậu quả bất lợi đối với yêu cầu của bà H. Do đó, có đủ cơ sở buộc ông Phạm Văn M phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay 200.000.000 (*hai trăm triệu*) đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về tiền lãi đối với số tiền vay là 200.000.000 (*hai trăm triệu*) đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, đối với số tiền vay lần thứ nhất ngày 17/01/2020 tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày 31/12/2020, đối với số tiền vay lần thứ hai ngày 20/3/2020 tính từ ngày 04/4/2020 đến ngày 04/12/2020. Tại “Giấy mượn tiền ngày 17/01/2020 và ngày 20/3/2020” thì bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn M không có thỏa thuận lãi suất. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định là 20%/năm tức là 10%/năm tương đương là 0,83%/tháng. Do đó, yêu cầu tiền lãi của bà Nguyễn Thị H đối với khoản vay ngày 17/01/2020 tính từ ngày 01/3/2020 đến ngày 31/12/2020 là: 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 09 tháng = 7.470.000 (*bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn*) đồng, đối với khoản vay ngày 20/3/2020 tính từ ngày 04/4/2020 đến ngày 04/12/2020 là: 100.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 08 tháng = 6.640.000 (*sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn*) đồng; tổng cộng là 14.110.000 (*mười bốn triệu một trăm mười nghìn*) đồng.

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Phạm Văn M trả số tiền gốc là 200.000.000 (*hai trăm triệu*) đồng và tiền lãi là 14.110.000 (*mười bốn triệu một trăm mười nghìn*) đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông Phạm Văn M phải chịu là: 214.110.000 đồng x 5% = 10.705.500 đồng (*mười triệu bảy trăm lẻ năm nghìn năm trăm*) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Phạm Văn M trả số tiền gốc là 144.500.000 (*một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn*) đồng và tiền lãi là 5.057.500 (*năm triệu không trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm*) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Phạm Văn M về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Phạm Văn M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 214.110.000 (*hai trăm mười bốn triệu một trăm mười nghìn*) đồng, trong đó: số tiền gốc là 200.000.000 (*hai trăm triệu*) đồng và tiền lãi là 14.110.000 (*mười bốn triệu một trăm mười nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Phạm Văn M phải nộp là 10.705.500 đồng (*mười triệu bảy trăm lẻ năm nghìn năm trăm*) đồng.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Nguyễn Thị H là 9.079.000 (*chín triệu không trăm bảy mươi chín nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003925 ngày 12 tháng 10 năm 2020 và số 0006716 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Kim Trường Sơn